

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2023.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Cẩm Loan

2. Ông Lê Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Phát L, sinh năm 1990 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

- Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, bản tự khai nguyên đơn anh Huỳnh Phát L trình bày: Trên cơ sở mai mối, anh L và chị M tìm hiểu và yêu thương nhau, cùng chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải vào ngày 15/10/2010. Quá trình chung sống, anh L và chị M

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh L chị M không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình, không ai tôn trọng nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị M có 01 người con chung tên Huỳnh Phát Đ, sinh ngày 17/02/2012, giới tính nam. Hiện cháu Đạt do anh L nuôi dưỡng, anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đạt đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị M nhưng chị M đều vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Phát L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn anh Huỳnh Phát L khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với chị Trần Thị M nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn chị Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phát L xin được ly hôn với chị Trần Thị M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa anh L và chị M đã mâu thuẫn nghiêm trọng trong nhiều năm và hiện tại anh và chị đã sống ly thân, vợ chồng anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Huỳnh Phát L được ly hôn với chị Trần Thị M.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị M có một người con chung tên Huỳnh Phát Đ, sinh ngày 17/02/2012, giới tính nam. Anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đạt đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ hiện nay anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đạt, đảm bảo cho việc phát triển về mọi mặt của cháu. Anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Huỳnh Phát L phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Huỳnh Phát L được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Phát Đ, sinh ngày 17/02/2012, giới tính nam cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Huỳnh Phát L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007052 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã Hòn Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh